

BẢN TIN THÁNG 9/2023

DỰ BÁO AN NINH NGUỒN NƯỚC THƯỢNG NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG VỀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG

1.1. Nguồn nước thượng lưu vực sông Mê Công

Tổng lượng nước mùa kiệt trên dòng chính sông Mê Công từ Trung Quốc qua Chiang Saen, Lào – Viêng Chăn; vào Campuchia – Pakse, về châu thổ Mê công qua Kratie, và điều tiết từ biển hồ Tonle Sap qua Prekdam được đưa ra ở bảng dưới.

Bảng 1: So sánh tổng lượng dòng chảy các trạm chính và điều tiết từ biển hồ Tonle Sap đến hiện tại

Trạm	Đơn vị	Tổng dòng chảy trong tháng 8	Lũy tích đến tháng 8**	Khác biệt lũy tích dòng chảy so với một số năm cùng thời điểm(+/- tăng/giảm)				
				Năm TB	2022	2021	2019	2015
Chiang Sean	Tỷ m ³	6,65	28	-12	-12	-9	-14	-15
Vientiane	Tỷ m ³	22,6	63	-14	-27	-7	9	-2
Pakse	Tỷ m ³	56,6	124	-41	-30	5	4	-10
Kratie	Tỷ m ³	70,4	159	-31	-32	21	21	13
Biển hồ*	Tỷ m ³	-13,2	18,0	17,8	-7,5	-10,8	7,0	9,9

Ghi chú: ‘*’ tổng lượng trừ hiện tại của Biển hồ, dấu ‘-’ là chảy vào

‘**’ lượng tích lũy được tính từ tháng 01

Tổng lượng dòng chảy về đồng bằng qua Kratie và điều tiết biển hồ vào khoảng 56,3 tỷ m³. Trong đó, đóng góp dòng chảy từ thượng nguồn Trung Quốc vào khoảng 12%, đóng góp dòng chảy khu vực Đông Bắc Thái Lan và Lào tính đến Pakse vào khoảng 89%. Đóng góp từ khu vực Tây Nguyên và Campuchia tính đến Kratie là 23%. Đóng góp từ biển hồ Tonle Sap là -23%.

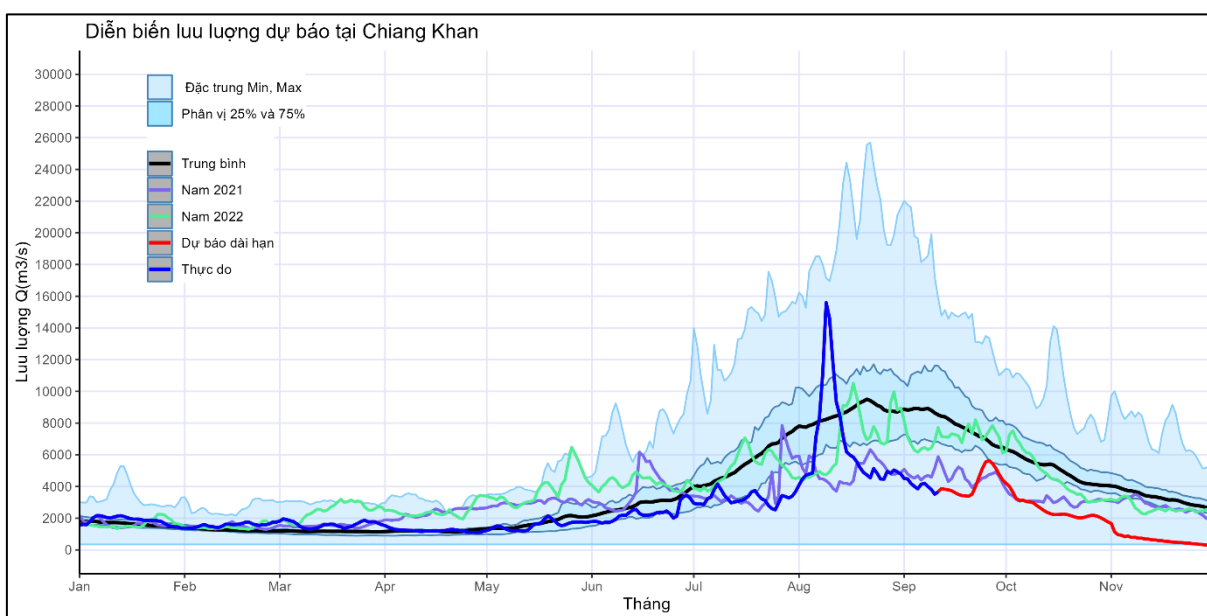
Tính đến thời điểm hiện tại, nguồn nước đóng góp chủ yếu từ thượng nguồn qua trạm Kratie. Hiện tại, dòng chảy tất cả các trạm bao gồm: Chiang Saen, Viêng Chăn, Pakse, Kratie và Prekdam đều dưới trung bình nhiều năm.

Trong tháng 8, xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động phổ biến trong khoảng từ 1.539 m³/s đến 4.573 m³/s. Hiện nay các hồ chứa trên lưu vực vẫn đang trong thời kỳ tích nước, hạn chế xả xuống hạ lưu, ước tính tổng dung tích hiện tại của các hồ khoảng 28,845 tỷ m³, chỉ đạt khoảng 58,4% so với tổng dung tích hữu ích. Trong đó, các hồ ở Trung Quốc hiện chỉ đạt khoảng 57,6%, các hồ ở Lào đạt khoảng 62,9%, các hồ ở Việt Nam đạt khoảng 57,0% và các hồ Thái Lan đạt khoảng 31,1%. Dự báo trong các tháng tiếp theo hệ thống hồ chứa sẽ tiếp tục tích nước và hạn chế xả xuống hạ lưu.

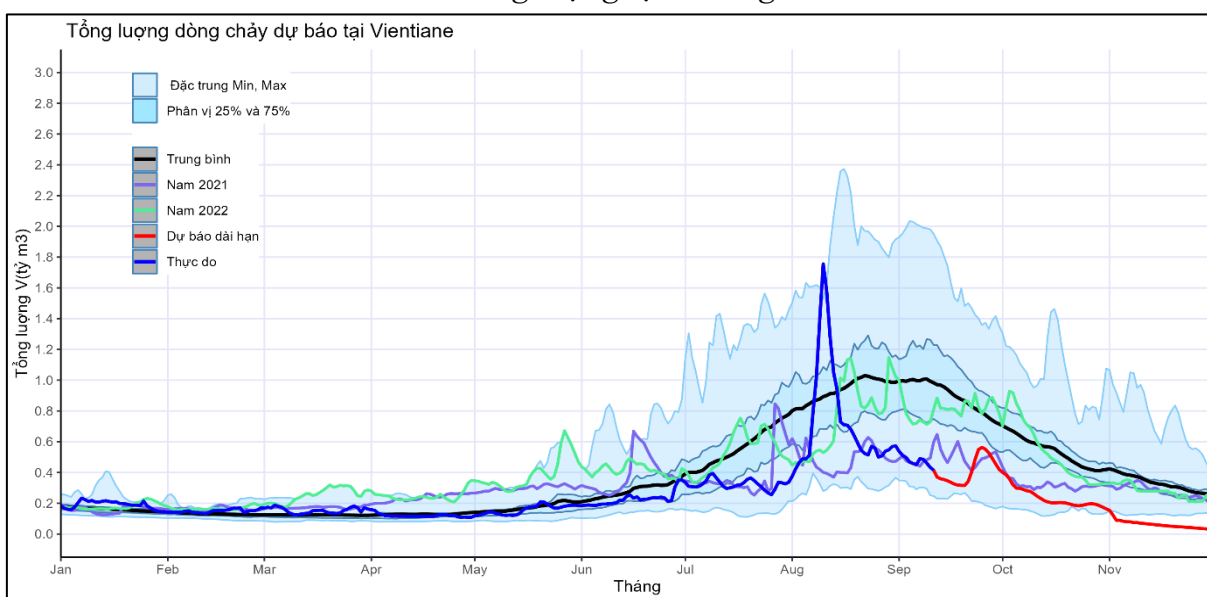
Bảng 2: Dung tích hữu ích ước tính ngày 29/8 của các hồ chứa trên lưu vực

Phân loại	Số lượng đập	Dung tích hữu ích ước tính hiện hành (km ³)	Tổng lượng trữ hoạt động ước tính (km ³)	% Dung tích hữu ích ước tính hiện hành
Trung quốc	11	14.065	24.414	57,6%
Lào	20	10.124	16.083	62,9%
Việt Nam	16	2.592	4.55	57,0%
Campuchia	1	1.037	1.037	100,0%
Thái Lan	7	1.027	3.299	31,1%
Tổng	55	28.845	49.383	58,4%

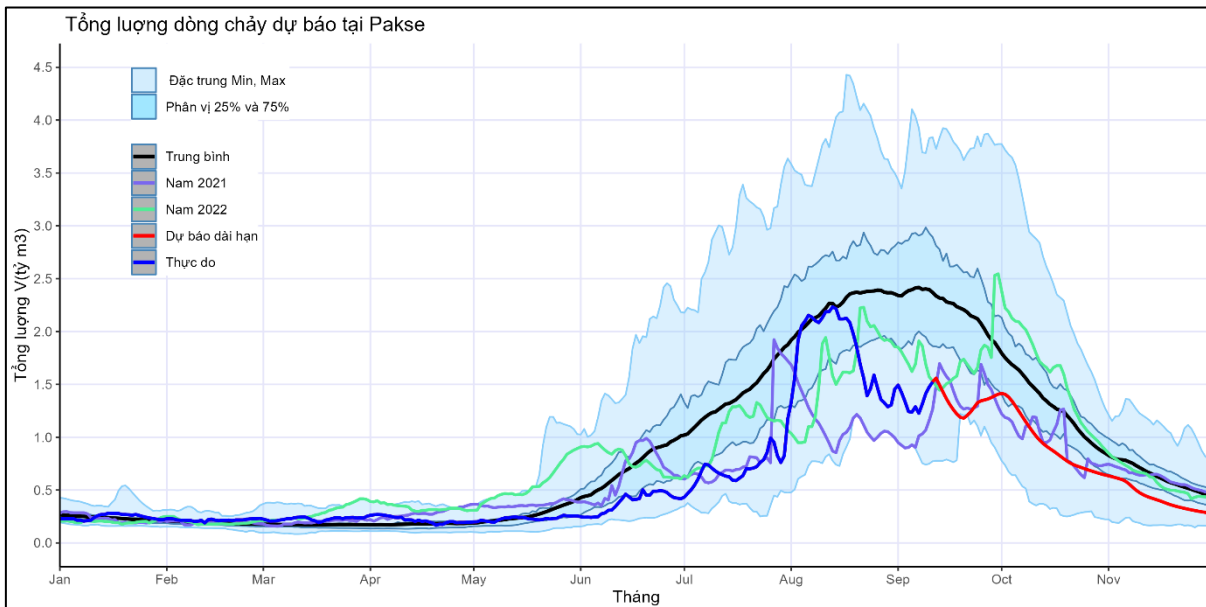
Biểu đồ tổng lượng trên dòng chính Mê Công tại Chiang Saen, Viêng Chăn, Pakse, Kratie và vùng biển hồ Tonle Sap đến hiện nay và so sánh với đặc trưng tổng lượng qua một số năm Hình 1 đến Hình 5:



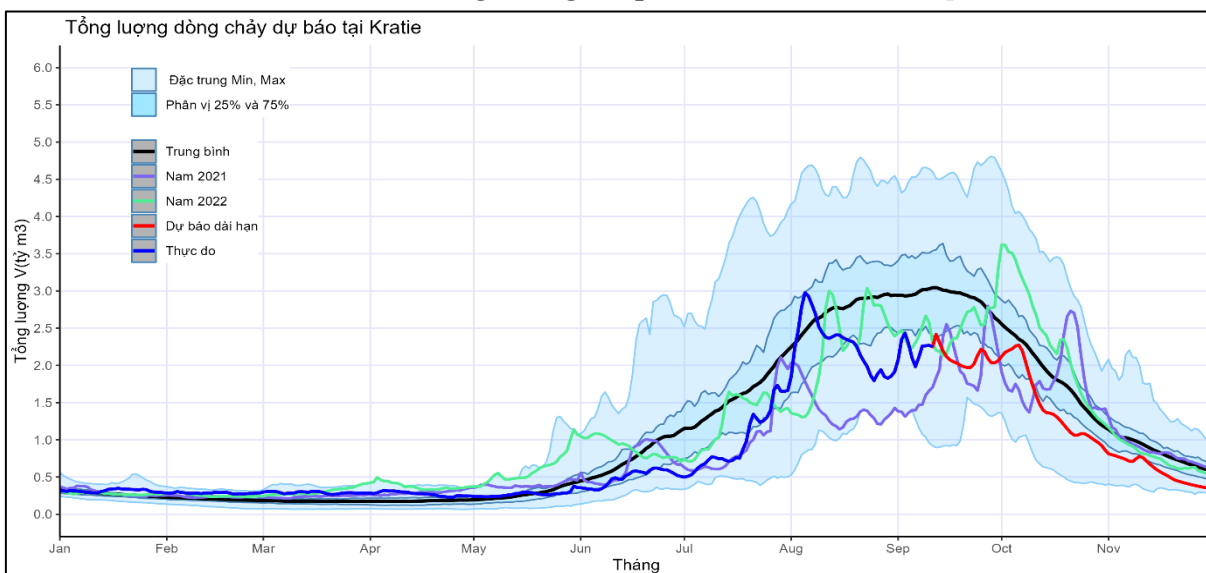
Hình 1. Diễn biến tổng lượng tại Chiang Saen –Thái Lan



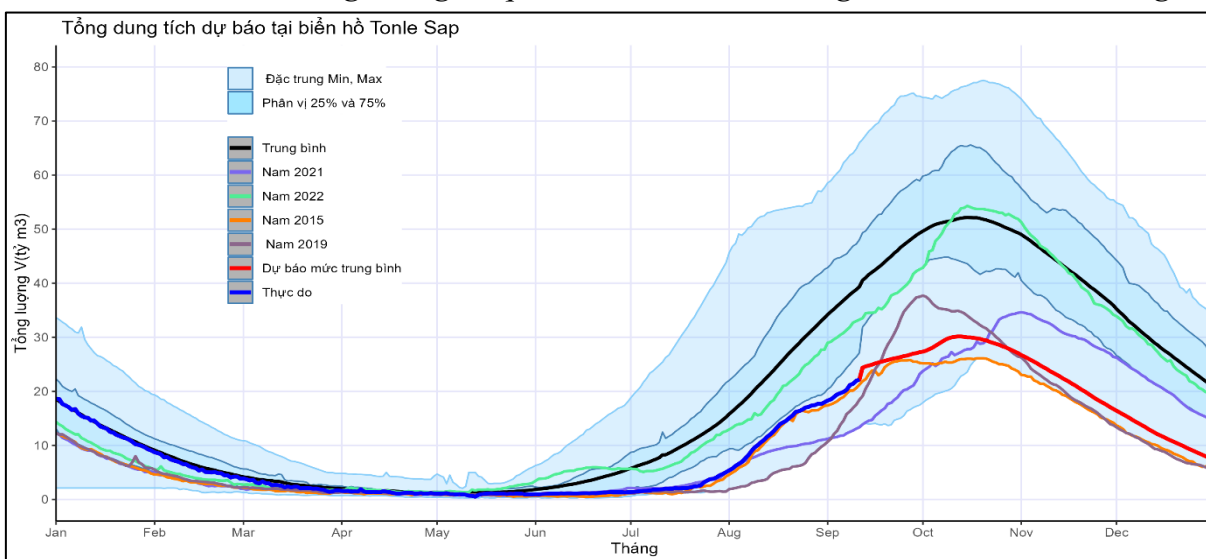
Hình 2. Diễn biến tổng lượng về qua trạm Viêng Chăn – Lào



Hình 3. Diễn biến tổng lượng về qua trạm Pakse – Campuchia



Hình 4. Diễn biến tổng lượng về qua trạm Kratie – đầu nguồn châu thổ Mê Công



Hình 5. Diễn biến dung tích - Biển hồ, cập nhật ngày 02/9/2023

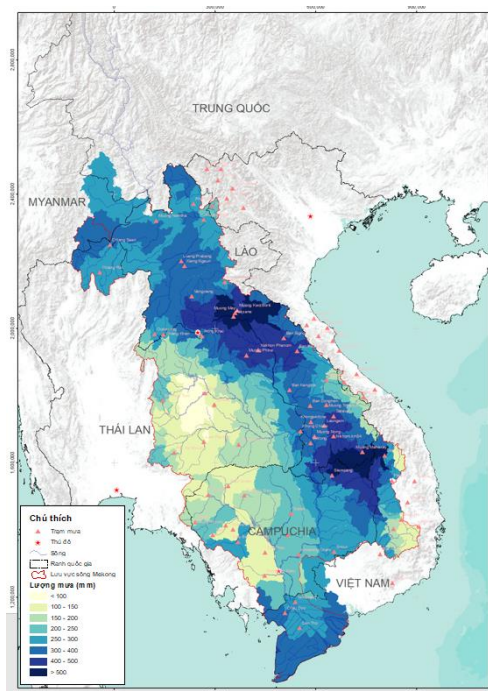
1.2. Diễn biến mưa trên lưu vực

Tổng lượng mưa tích lũy 08 tháng đầu năm 2023 (từ 01/01 đến 31/8) trong lưu vực biến đổi từ 455-1.583 mm. Trong đó, khu vực Bắc Lào từ Chiang Saen đến Vientiane có tổng lượng mưa lũy tích khoảng 607-1.070 mm, nhỏ hơn trung bình nhiều năm (TBNN) khoảng 26-42%. Khu vực từ Trung Lào tới Bắc Cam-pu-chia, mưa lũy tích hiện tại lớn hơn TBNN khoảng 5%-33%; Phía Bắc Cam-pu-chia tại Stung Treng có lượng mưa lớn nhất, khoảng 1.154 mm lớn hơn TBNN khoảng 4-51%. Khu vực từ Kratie đến Biển Hồ tại Prek Kdam có tổng lượng mưa lũy tích thấp khoảng 455-702 mm nhỏ hơn hoặc bằng trung bình nhiều năm khoảng 36-37%.

So với năm 2022, tổng lượng mưa lũy tích cùng kỳ tới thời điểm hiện tại có xu thế chung nhỏ hơn khoảng 9-57%. Trong đó, phía Bắc Lào, từ Cheang Saen đến Vientiane có lượng mưa lũy tích nhỏ hơn năm 2022 khoảng 10-54%. Khu vực Trung Lào, từ Nong Khai tới Savannakhet có mưa lũy tích lớn hơn khoảng 0-9%, tại trạm Mukdahan có lượng mưa lũy tích nhỏ hơn khoảng 22%. Khu vực Nam Lào tới Biển Hồ nhỏ hơn khoảng 9-57%. Đặc biệt là khu vực Biển Hồ, lượng mưa lũy tích tới tháng 8 nhỏ hơn cùng kỳ năm 2022 là 57%.

So với năm 2021, tổng lượng mưa lũy tích cùng kỳ tới thời điểm hiện tại trên toàn vùng hầu như đều có xu thế chung lớn hơn khoảng 1-77%. Tuy nhiên, một số khu vực như Cheang Saen và Vientiane lại có xu thế nhỏ hơn 12-47%, khu vực từ Kratie đến Prek Kdam có xu thế nhỏ hơn khoảng 2-49%.

Tổng lượng mưa từng tháng trên toàn lưu vực có sự chênh lệch lớn. Từ tháng 1 đến tháng 3 hầu như không có mưa, trong đó tháng 3 tại khu vực Cam-pu-chia không có mưa. Bước sang tháng 4, khu vực từ Nakhon Phanom đến Stung Treng bắt đầu có mưa, lượng mưa biến đổi từ 40-118 mm. Từ tháng 5 đến tháng 8 lưu vực Mê Công bắt đầu vào mùa mưa, trong đó lượng mưa tập trung vào tháng 7-8 với lượng mưa lớn nhất và phân bố đều trên toàn lưu vực biến đổi từ 141-614 mm.



Hình 6. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên lưu vực Mê Công tháng 8/2023

2. DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THÁNG TIẾP THEO

2.1. Nguồn nước thượng lưu về Đồng bằng sông Cửu Long

Dự báo tổng lượng dòng chảy qua các trạm như bảng dưới.

Bảng 3: Dự báo tổng lượng dòng chảy Tháng 9 so với đặc trưng một số năm các trạm trên dòng chính mê công

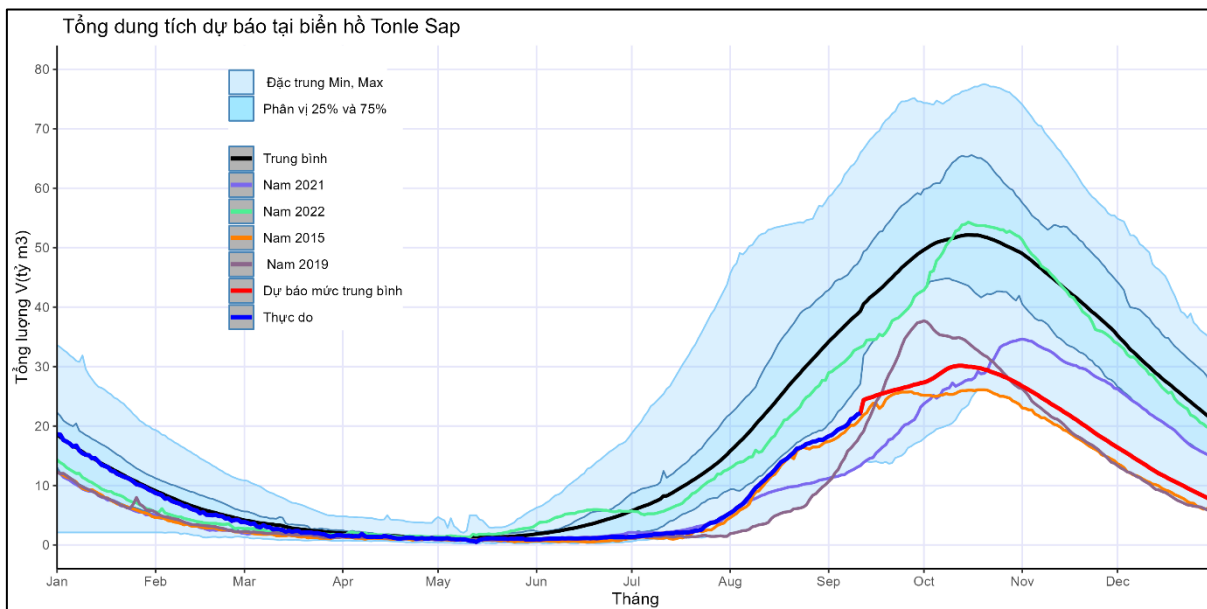
Trạm	Đơn vị	Tổng dòng chảy trong tháng 9	Khác biệt lũy tích dòng chảy so với một số năm cùng thời điểm(+/- tăng/giảm)				
			Năm TB	2022	2021	2019	2015
Chiang Sean	Tỷ m ³	4,2	-7	-3,6	0,1	0,8	-3,3
Vientiane	Tỷ m ³	13,8	-13	-10,6	-1,2	6,3	-4,9
Pakse	Tỷ m ³	45,8	-20	-6,2	7,5	-28,6	-5,3
Kratié	Tỷ m ³	71,1	-16	-3,8	14,3	-35,2	12,5

Theo nhận định của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Thái Bình Dương, hiện tượng El Nino sẽ tiếp tục duy trì đến cuối năm 2023 với xác suất khoảng 93%. Từ tháng 9-12/2023, hiện tượng El Nino tiếp tục duy trì, có khả năng kéo dài tới đầu năm 2024.

Dự báo do ảnh hưởng của El nino, thiếu hụt mưa có khả năng dưới trung bình 28% các trạm trên lưu vực, vì vậy khả năng các thủy điện tích nước tối đa và duy trì lượng xả thấp xuống hạ lưu.

2.2. Dòng chảy từ Biển hồ Tonle Sap

Biển hồ Tonle Sap vào giai đoạn tích nước. Lượng trữ Biển Hồ đến cuối tháng 9 dự báo vào khoảng 27 tỷ m³.



Hình 7. Biểu đồ dự báo dung tích biển hồ Tonle Sap đến 30/9/2023

2.3. Đánh giá khả năng thừa/thiếu nước so với cùng thời kỳ

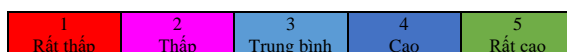
Dự báo tổng lượng dòng chảy về đồng bằng trong tháng 9 qua Kratie và Điều tiết biển hồ là 31,7 tỷ m³, nhu cầu nước bình quân trên đồng bằng trong tháng vào khoảng 0,71 tỷ m³. Đánh giá an ninh nguồn nước ở mức 3 – trung bình; dòng chảy về ĐBSCL đáp ứng đủ cho các hoạt động sản xuất và dân sinh tuy nhiên phụ thuộc lớn vào nguồn nước bên ngoài.

Bảng 4: Đánh giá an ninh nguồn nước về đồng bằng tháng 9

Trạm	Đơn vị	Tổng dòng chảy trong tháng 9	Khác biệt dòng chảy so với một số năm cùng thời điểm(+/- tăng/giảm)				
			Năm TB	2022	2021	2019	2015
Kratie	Tỷ m ³	71,1	-16	-4	14	-35	12
Biển hồ*	Tỷ m ³	-8,9	22	19,3	2,1	16,3	12,9
Nhu cầu nước trên toàn đồng bằng	Tỷ m ³	0,71					
ANNN	Tỷ m ³	3					

Ghi chú: “*” tổng lượng trừ của Biển hồ

Mức độ ANNN:



VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước thượng nguồn đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật hàng tháng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toán (di động: 0918 000 377)/.